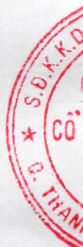


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	<u>31.03.2013</u>	<u>01.01.2013</u>
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		541.275.399.406	569.865.045.860
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		129.621.789	551.581.899
111	1. Tiền	3	129.621.789	551.581.899
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn	4	8.696.000.000	8.696.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(8.696.000.000)	(8.696.000.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		103.434.146.441	110.251.511.970
131	1. Phải thu khách hàng		107.695.077.503	111.385.616.268
132	2. Phải thu khách hàng		1.525.835.333	4.785.389.785
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		466.217.172	466.217.172
135	5. Các khoản phải thu khác	5	10.505.275.519	10.372.547.831
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(16.758.259.086)	(16.758.259.086)
140	IV. Hàng tồn kho		316.935.823.154	356.623.333.561
141	1. Hàng tồn kho	6	320.572.515.326	360.260.025.733
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.636.692.172)	(3.636.692.172)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		120.775.808.022	102.438.618.430
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		167.410.623	167.410.623
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	120.608.397.399	102.271.207.807
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.488.200.333	23.036.399.855
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		17.440.198.081	18.980.334.403
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.440.198.081	18.980.334.403
222	- Nguyên giá		47.289.319.833	49.752.347.002
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.849.121.752)	(30.772.012.599)
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.963.950.000	3.963.950.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	9	-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		3.963.950.000	3.963.950.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		84.052.252	92.115.452
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	84.052.252	92.115.452
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		562.763.599.739	592.901.445.715



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	<u>31.03.2013</u>	<u>01.01.2013</u>
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		479.510.214.570	505.347.879.920
310	I. Nợ ngắn hạn		476.528.553.306	502.366.218.656
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	120.863.205.696	130.387.689.313
312	2. Phải trả người bán		272.559.086.310	270.760.792.745
313	3. Người mua trả tiền trước		48.549.765.936	72.760.410.335
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	13.914.294.063	9.086.631.408
315	5. Phải trả người lao động		7.160.539.739	9.285.396.339
316	6. Chi phí phải trả	13	4.887.854.019	1.883.841.786
317	7. Phải trả nội bộ		431.891.524	80.908.005
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	8.003.874.528	7.962.507.234
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		158.041.491	158.041.491
330	II. Nợ dài hạn		2.981.661.264	2.981.661.264
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	2.981.661.264	2.981.661.264
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		83.253.385.169	87.553.565.795
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	83.253.385.169	87.553.565.795
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		83.998.890.000	83.998.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		23.426.417.500	23.426.417.500
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		15.915.811.490	15.915.811.490
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.177.632.356	2.177.632.356
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(42.265.366.177)	(37.965.185.551)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>562.763.599.739</u>	<u>592.901.445.715</u>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	<u>31.03.2013</u>	<u>01.01.2013</u>
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2013

Người lập

Trần Thị Hương Lan

Phụ Trách kế toán

Trần Minh Toàn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1/2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I	
			Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.596.832.705	18.822.083.547
	- Doanh thu bán ngoài		56.596.832.705	18.822.083.547
	- Doanh thu nội bộ			
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	56.596.832.705	18.822.083.547
11	4 Giá vốn hàng bán	18	56.076.902.546	17.639.470.179
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		519.930.159	1.182.613.368
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	19	3.749.215	559.987.160
22	7 Chi phí tài chính	20	4.861.222.524	5.350.161.947
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.861.222.524	5.350.161.947
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.599.174.331	842.720.800
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.936.717.481) -	(4.450.282.219)
31	11 Thu nhập khác		1.932.820.000	-
32	12 Chi phí khác		296.283.145	-
40	13 Lợi nhuận khác		1.636.536.855	-
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.300.180.626) -	(4.450.282.219)
	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	16 Lợi nhuận sau thuế		(4.300.180.626)	(4.450.282.219)

Người Lập



Trần Thị Hương Lan

Phụ trách kế toán



Trần Minh Toàn

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Quý 1/2013
(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/9/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.300.180.626)	(10.212.294.808)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.243.853.177	5.185.260.672
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.963.132.985)	(7.963.132.985)
- Chi phí lãi vay	06		4.861.222.524	24.319.196.152
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.158.237.910)	11.329.029.031
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.779.378.515)	(28.744.467.267)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		39.684.224.044	20.552.181.558
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại)	11		(11.584.967.312)	(4.508.409.863)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.063.200	1.300.598.445
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(2.903.428.357)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	138.130.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(69.218.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.169.703.507	(2.905.585.117)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.932.820.000	8.210.000.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.658.470
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.932.820.000	8.222.659.379
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		100.000.000	5.687.589.520
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.624.483.617)	(10.608.942.002)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.155.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.524.483.617)	(4.924.508.082)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(421.960.110)	392.566.180
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		551.581.899	159.015.719
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		129.621.789	551.581.899

Hà nội, ngày 26 tháng 04 năm 2013

Người Lập

Phụ trách kế toán




Trần Thị Hương Lan

Trần Minh Toán



Đặng Văn Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2013

1 THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần xây dựng số 11 là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 377/QĐ-BXD ngày 02 tháng 04 năm 2003 của Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại : Tầng 1- Toà nhà Vinaconex- Khu ĐTM Trung Hoà- Nhân Chính- Thanh Xuân- Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 14 ngày 25 tháng 07 năm 2011 là 83.998.890.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103034626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 05 tháng 08 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế 500KVA;
- Xây lắp công trình cấp thoát nước và nhà máy nước;
- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, văn hóa và du lịch;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ xi măng, sắt thép, clinke);
- Sản xuất cấu kiện bê tông xây dựng, lắp đặt các loại máy móc thiết bị;
- Trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, xuất khẩu lao động.
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán h

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Khoản thanh toán công nợ nội bộ giữa Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 và Công ty liên kết liên doanh - Công ty Cổ phần xây dựng Vinaconex 11.1 được theo dõi chi tiết trên TK 136 - Phải thu nội bộ và TK 3311- Phải trả người bán..

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan t

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân p

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành. Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc bàn xác n

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động của Công ty là 25%.